TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST
Ngày: 04/9/2026.
"V/v: *Kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thức.
2. Ông Nguyễn Phi Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Y Sơ Mi Niê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thu Nguyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/8/2026 và 03/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc; "*Kiện đòi tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST-DS ngày 04/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1973 – vắng mặt.
Số CCCD: 066173019xxx.
Nơi cư trú: Thôn E, xã K, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hồng T, sinh năm 1988 – có mặt.
Số CCCD: 066088011xxx.
Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 – có mặt.
Số CCCD: 042181013xxx
Địa chỉ: Thôn E, xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Hồng T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 29/12/2017 bà Nguyễn Thị H có vay của bà Lê Thị L số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và xin trả dần (trả đủ trong năm 2018) có chữ ký và viết tên của bà Nguyễn Thị H. Hai bên có thỏa thuận lãi suất với nhau là 1%/tháng. Mặc dù bà L đã nhiều lần đòi lại số tiền trên nhưng bà H vẫn không chịu trả cho bà L. Quá trình vay năm 2018 bà H trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng, đây là khoản tiền lãi bà H trả cho khoản vay, không phải tiền gốc.

Nay bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 88.200.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 45.000.000 đồng, nợ lãi 43.200.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 29/12/2017 đến ngày 29/12/2025) x 1%/tháng x 96 tháng = 43.200.000 đồng và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ cho bà L.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Vào khoảng tháng 8/2019 bà H trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này bà L tính lãi 1%/tháng x 20 tháng (từ ngày 29/12/2017 đến 29/8/2019) = 9.000.000 đồng. Số tiền gốc bà H đã trả là 11.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H phải trả tổng số tiền là 60.520.000 đồng (trong đó nợ gốc là 34.000.000 đồng, nợ lãi là 26.520.000 đồng) tiền lãi tính 1%/tháng từ ngày 29/8/2019 đến ngày xét xử ngày 28/8/2026.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 29/12/2017 sau khi trả hết toàn bộ số tiền mà trước đó tôi đã vay của bà L thì tôi có viết 01 giấy vay tiền với tôi nội dung là tôi (Nguyễn Thị H) còn nợ lại bà Lê Thị L số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và xin trả dần (trả đủ trong năm 2018) có chữ ký và viết tên của tôi. Đây không phải là số tiền mà tôi mượn của bà L mà là số tiền lãi của các khoản tiền mà trước đó tôi đã mượn của bà L. Quá trình vay thì tôi đã trả hết toàn bộ số tiền còn nợ đó cho bà Lê Thị L và hiện tại tôi không còn nợ bà L bất cứ khoản tiền nào nữa. Cụ thể: Lần 1 (vào năm 2018 không nhớ ngày tháng cụ thể) trả số tiền 10.000.000 đồng, khi trả thì không làm giấy tờ gì; Lần 2 (không nhớ năm) trả số tiền 10.000.000 đồng, khi trả không có giấy tờ gì; Lần 3 (không nhớ năm nào) trả số tiền 20.000.000 đồng, khi trả thì có nhờ bạn là Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ: xã E, tỉnh Đắk Lắk chuyển khoản cho bà Lê Thị L; Còn lại số tiền 5.000.000 đồng thì tôi đã trả dần hết cho bà L, khi trả thì không có giấy tờ gì.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị H thừa nhận ngoài số tiền 20.000.000 đồng đã được bà L thừa nhận đã trả vào năm 2019, đối với các lần trả tiền khác bà H không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Bà H yêu cầu Toà án áp dụng Điều 429 Bộ luật dân sự về thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án (bao gồm cả phần tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mà bà Lê Thị L yêu cầu theo đơn khởi kiện).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Việc vay mượn số tiền 45.000.000 đồng ngày 29/12/2017 là có thật được các bên thừa nhận. Về trả nợ các bên đương sự thống nhất số tiền đã trả là 20.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 29/12/2017 không thể hiện lãi suất, thời hạn trả nợ là hết năm

2018. Nguyên đơn bà Lê Thị L cho rằng số tiền 20.000.000 đồng bà H trả năm 2019 trong đó có 9.000.000 đồng tiền lãi và 11.000.000 đồng tiền gốc nhưng bà H không thừa nhận trả tiền lãi nên không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên toà bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu để giải quyết do thời hiệu khởi kiện đã hết là có căn cứ cần chấp nhận. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H phải trả nợ cho bà L số tiền gốc là 25.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc bà H phải trả số tiền 35.520.000 đồng (trong đó 9.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi 26.520.000 đồng).

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại việc tranh chấp quyền sở hữu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 BLTTDS và loại việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

Giấy nợ tiền đề ngày 29/12/2017 thể hiện số tiền nợ 45.000.000 đồng, thời hạn trả nợ hết năm 2018. Đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không thể hiện lãi suất, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đến hết thời hạn trả nợ năm 2018, cho đến ngày khởi kiện bà H mới trả cho được 20.000.000 đồng (theo bà L trong đó 9.000.000 đồng tiền lãi; 11.000.000 đồng tiền gốc). Do vậy bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả tổng số nợ là 60.520.000 đồng (trong đó nợ gốc là 34.000.000 đồng, nợ lãi là 26.520.000 đồng) tiền lãi tính 1%/tháng từ ngày 29/8/2019 đến ngày xét xử.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị H thừa nhận có viết giấy vay với nội dung còn nợ bà Lê Thị L số tiền 45.000.000 đồng vào ngày 29/12/2017. Giấy nhận nợ không thể hiện lãi suất, bà H không đồng ý yêu cầu tính lãi của bà L vì thực chất đây là khoản tiền lãi bà H nhận nợ với bà L của những khoản vay đã tất toán trước đó. Bà H cho rằng đã trả hết toàn bộ số tiền còn nợ đó cho bà Lê Thị L và hiện không còn nợ bà L bất cứ khoản tiền nào. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ngoài lời khai bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc bà đã trả cho bà L 25.000.000.000 đồng tiền gốc, bà L chỉ thừa nhận bà H đã trả 20.000.000 đồng vào tháng 8/2019. Do đó không có căn cứ để chấp nhận việc bà H đã trả cho bà L toàn bộ số tiền 45.000.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi: Giấy vay ngày 29/12/2017 đều không thể hiện mức lãi suất, bà L cho rằng hai bên có thoả thuận về lãi suất nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Bà H không thừa nhận việc tính lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 29/12/2017 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật, bà H

không đồng ý yêu cầu tính lãi và đề nghị dụng Điều 429 Bộ luật dân sự về thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án (bao gồm cả phần tiền gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mà bà Lê Thị L yêu cầu theo đơn khởi kiện). Do thời hiệu khởi kiện đã hết (03 năm đối với tranh chấp về hợp đồng dân sự), nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà L mà xác định số tiền 20.000.000 đồng bà H đã trả năm 2019 là tiền gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 25.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà H phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149; khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu trả gốc và lãi của bà L đối với số tiền 35.520.000 đồng (trong đó tiền gốc 9.000.000 đồng, tiền lãi 26.520.000 đồng).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận là 1.776.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.205.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001202, ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho bà L số tiền 429.000 đồng còn lại.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 này 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 149; khoản 2 Điều 155; Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 25.000.000 đồng tiền gốc theo giấy nhận nợ ngày 29/12/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả gốc và lãi đối với số tiền 35.520.000 đồng (trong đó tiền gốc 9.000.000 đồng, tiền lãi 26.520.000 đồng).

2. Về án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận một phần nên bà L phải chịu số tiền 1.776.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

2.205.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001202, ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho bà L số tiền 429.000 đồng còn lại.

Bị đơn bà H phải nộp số tiền 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Anh Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 8-Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 8-Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.